



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cảng Rau Quả

Ngày 30/09/2025	28,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	-6.0%	-

DT thuần Q3/25
3,119
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 545 21.2%
YoY: ▲ 835 36.5%

LN thuần Q3/25
0.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 8.41 -95.2%
YoY: ▲ 0.11 35.6%

LN sau thuế Q3/25
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 6.96 -94.8%
YoY: ▼ 0.03 -7.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
0.8%
YoY: +/- ▼ 1.4%

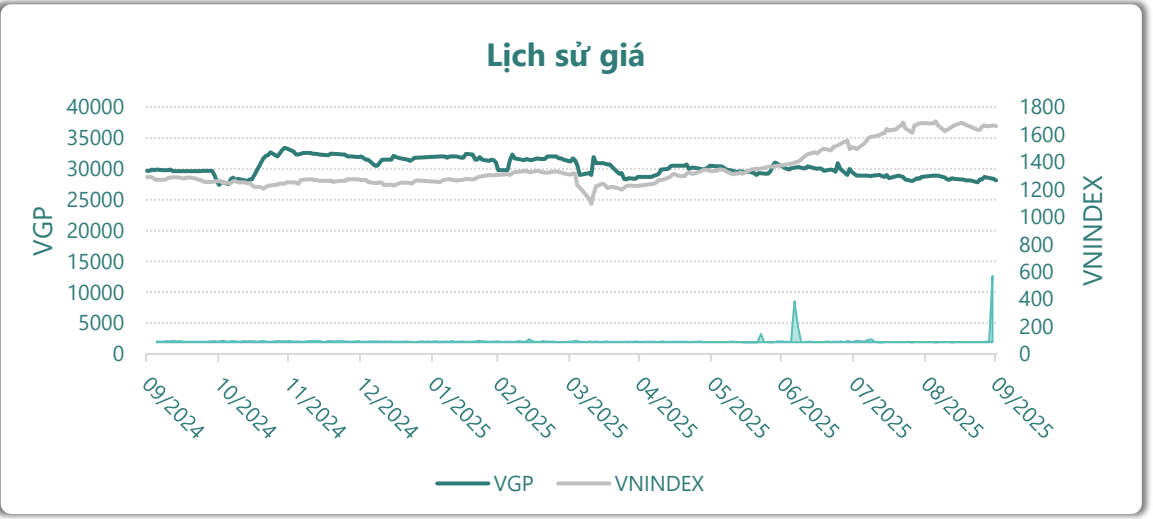
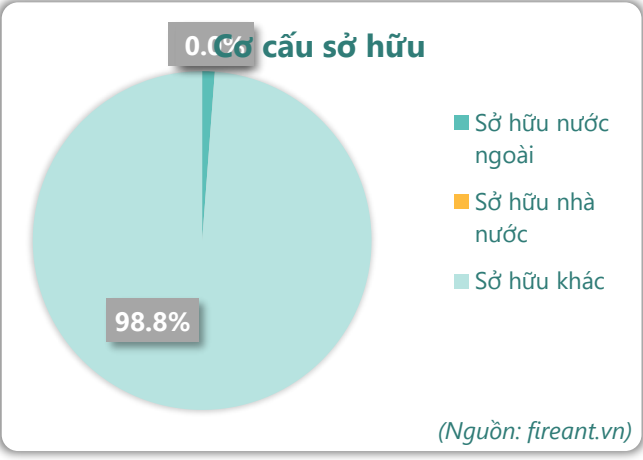
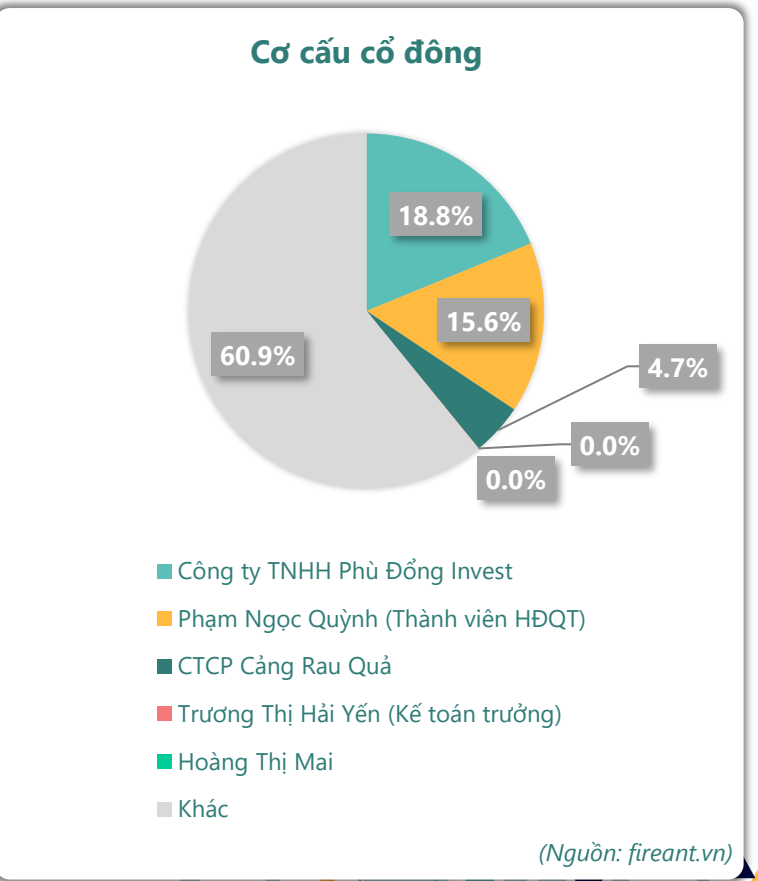
ROE (TTM) Q3/25
7.3%
YoY: +/- ▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,400 - 33,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
Số lượng CPLH (CP)	7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,935
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.24
EPS	2,196
P/E	12.8

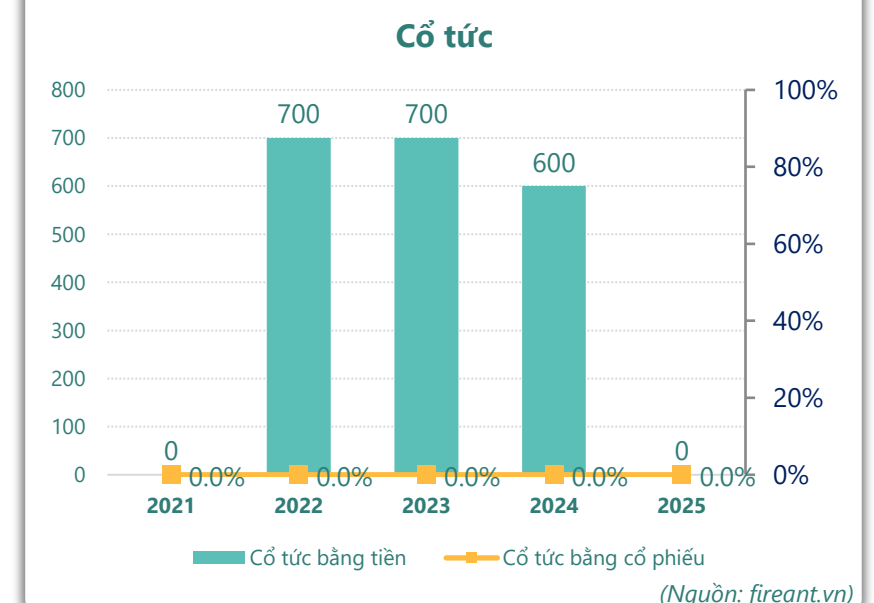
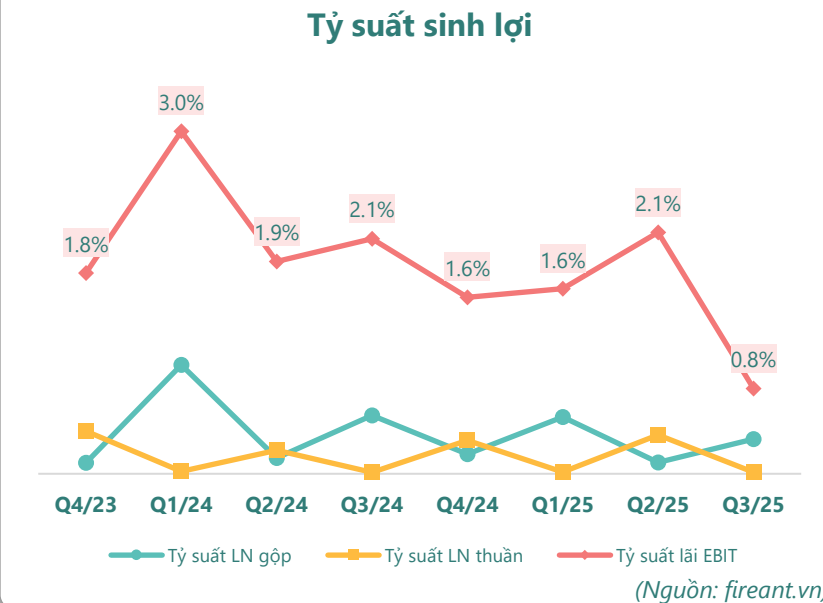
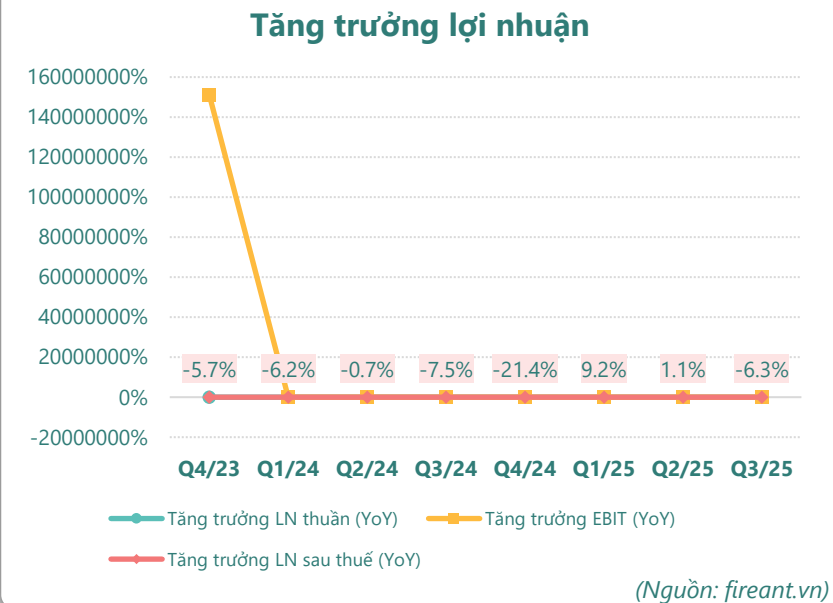
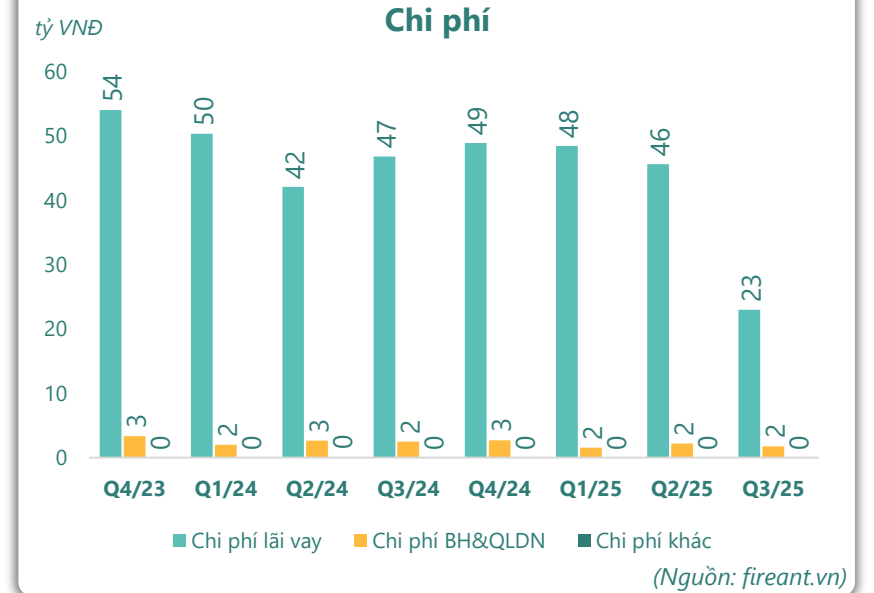
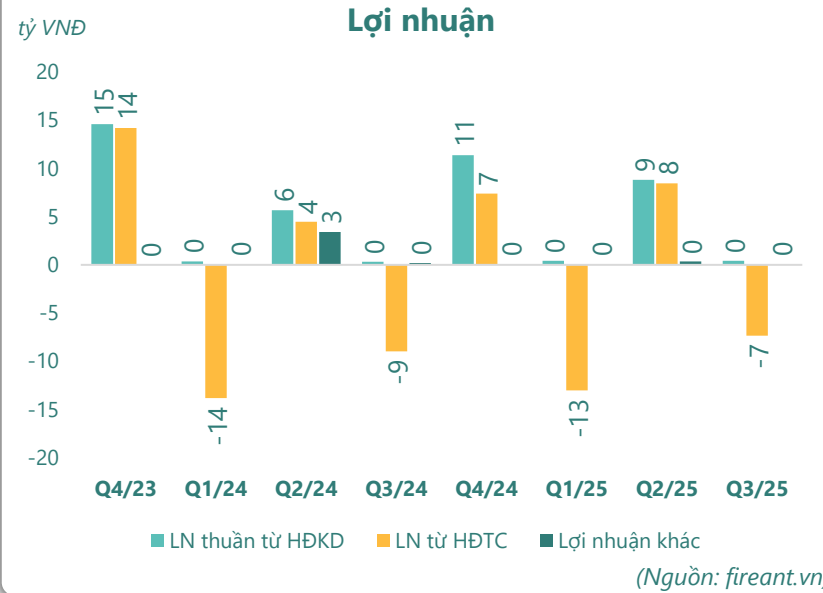
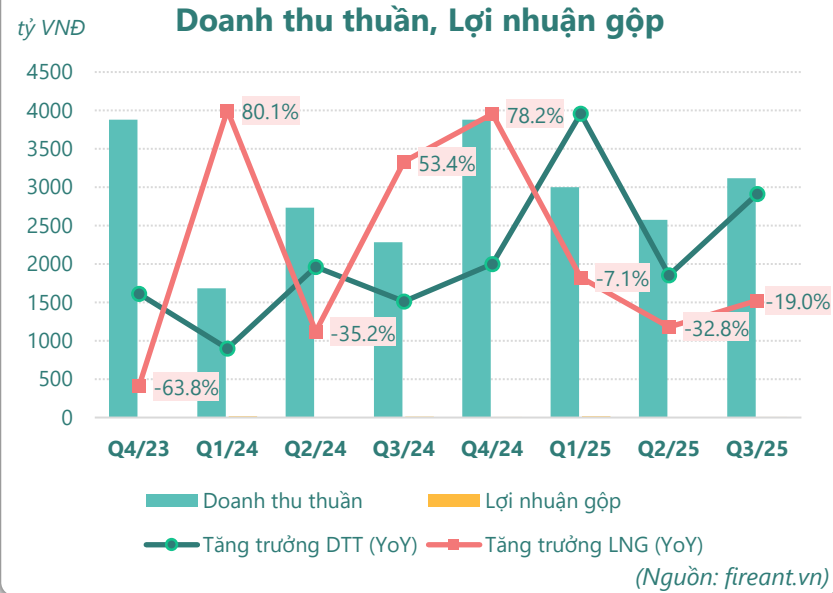
DT thuần 9T 2025
8,691
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,990 29.7%

LN thuần 9T 2025
9.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.33 52.6%

LN sau thuế 9T 2025
8.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.09 1.1%

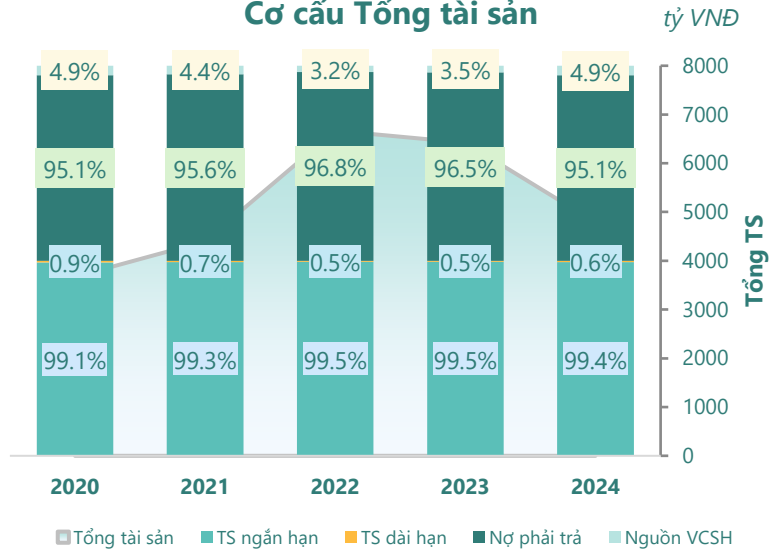


KẾT QUẢ KINH DOANH



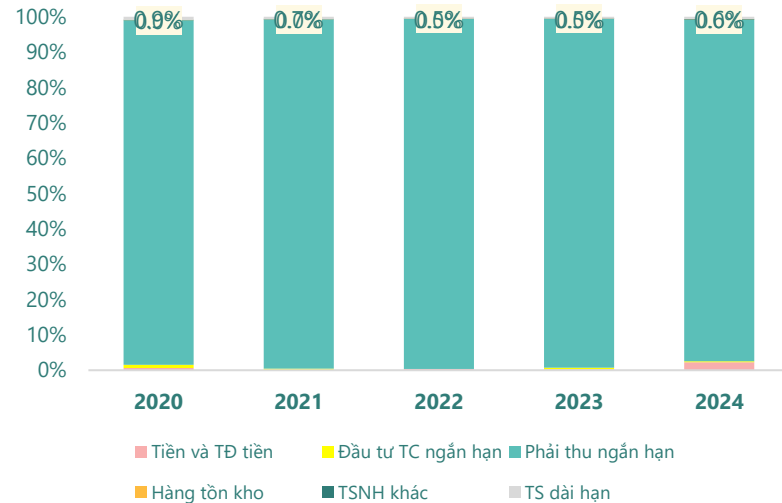
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



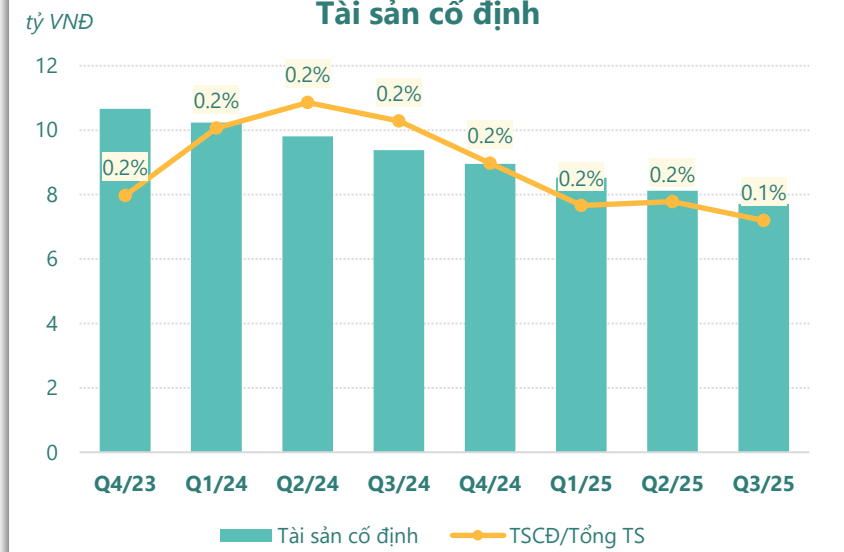
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



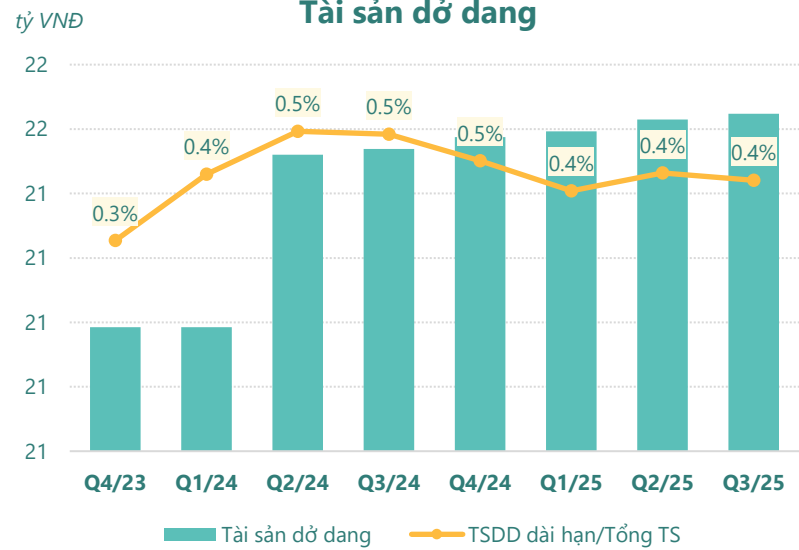
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



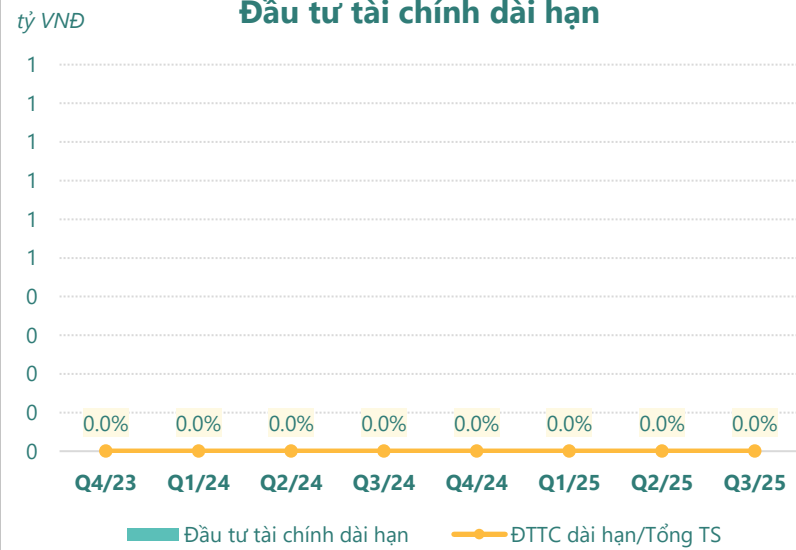
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



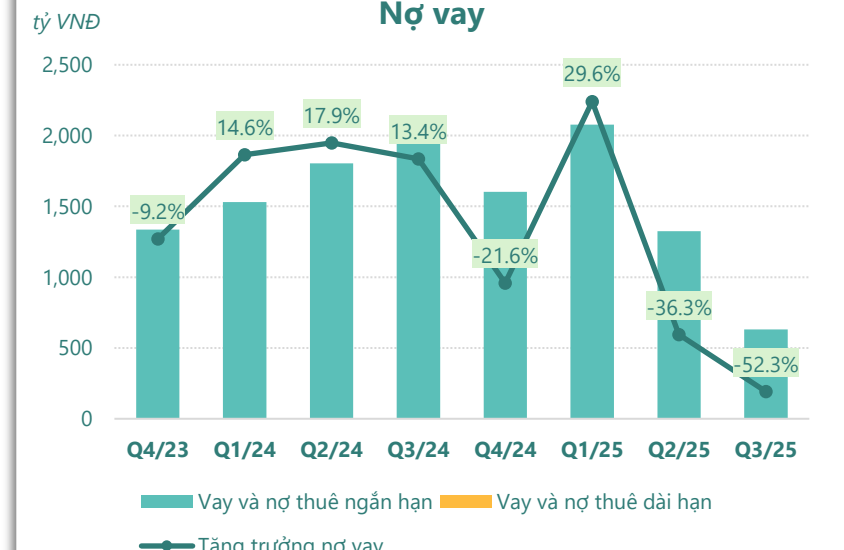
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



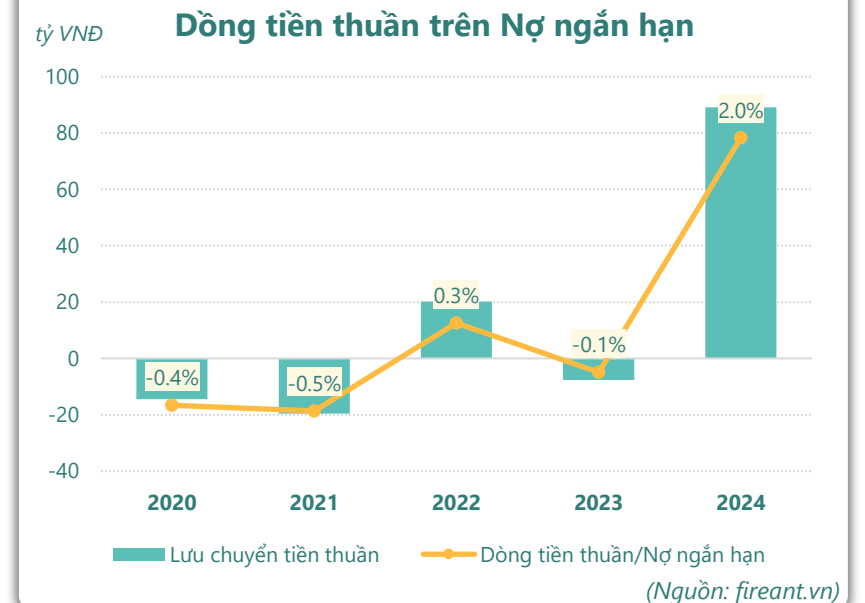
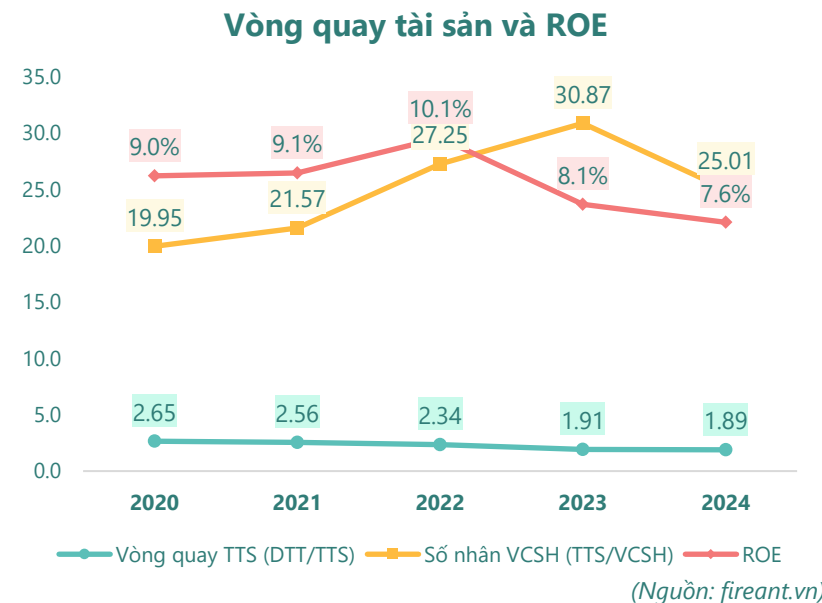
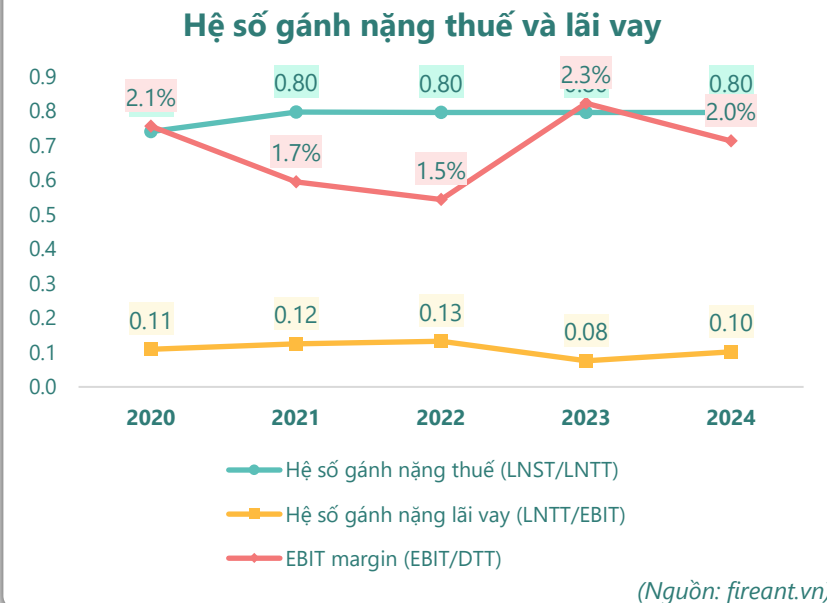
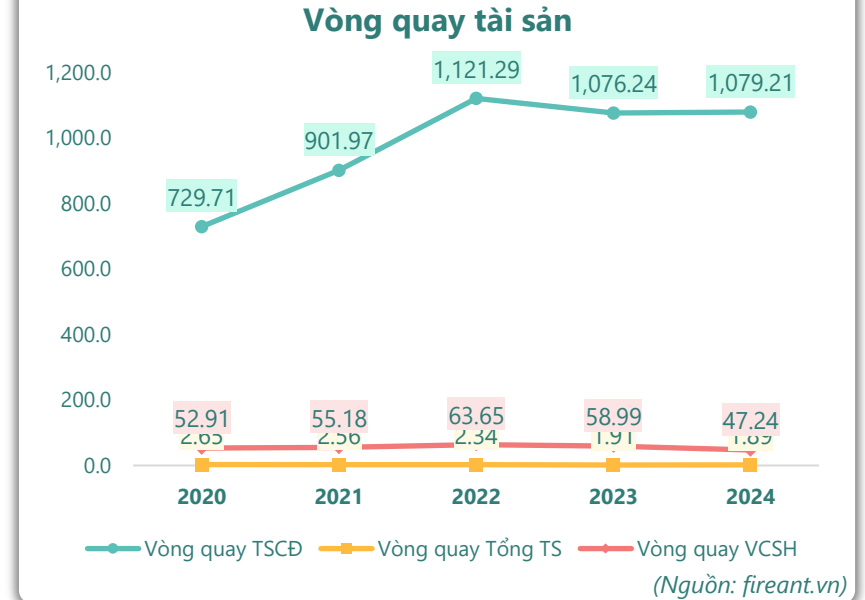
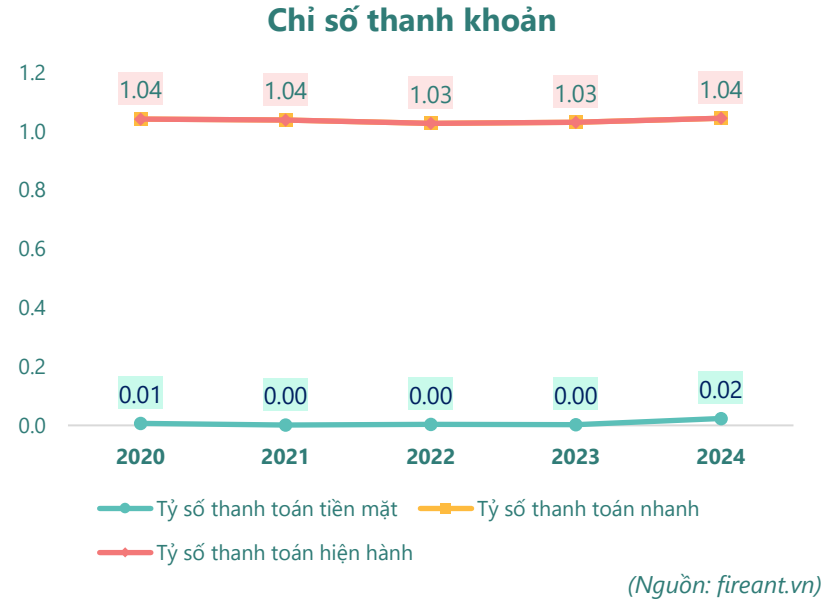
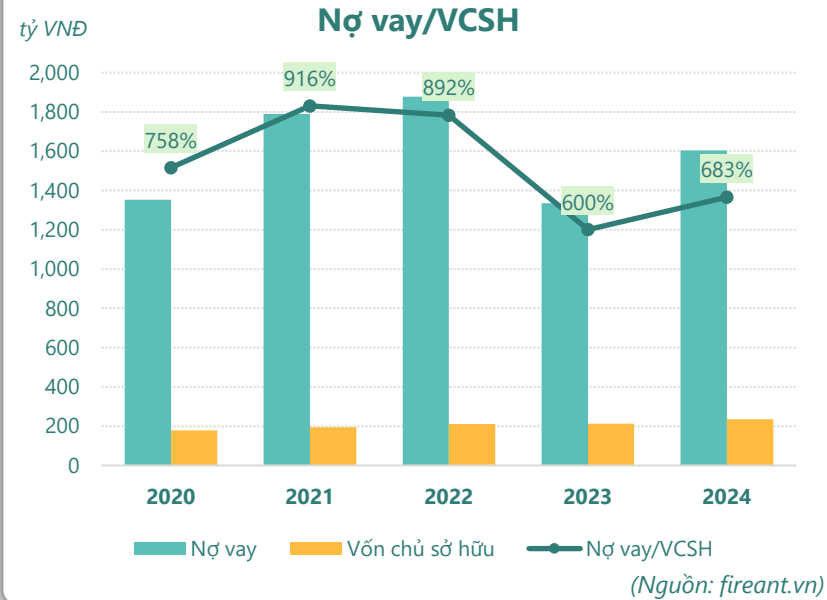
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,119	2,284	36.5%	8,691	6,701	29.7%
Giá vốn hàng bán	3,109	2,272	36.8%	8,664	6,669	29.9%
Lợi nhuận gộp	9.54	11.8	-19.2%	27.1	31.7	-14.6%
Doanh thu HĐTC	61.4	71.6	-14.2%	240	260	-7.4%
Chi phí TC	68.8	80.6	-14.7%	252	278	-9.2%
Chi phí lãi vay	23.0	46.9	-51.0%	117	139	-16.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.64	1.19	-46.6%	1.82	3.33	-45.4%
Chi phí QLDN	1.14	1.29	-11.6%	3.72	3.76	-1.0%
LN thuần từ HĐKD	0.42	0.31	35.6%	9.68	6.35	52.6%
Lợi nhuận khác	0.06	0.19	-70.6%	0.45	3.68	-87.8%
LN trước thuế	0.48	0.51	-6.6%	10.1	10.0	1.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.38	0.41	-7.1%	8.11	8.02	1.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0.38	0.41	-7.1%	8.11	8.02	1.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-287	-245	550	-579	828	642
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.6	8.62	-4.53	0.05	3.53	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	274	237	-443	475	-754	-693
Tiền đầu kỳ	4.42	2.97	3.99	107	3.20	80.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.45	1.02	103	-104	77.7	-50.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.97	3.99	107	3.20	80.9	30.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,146	4,787	7.5%
Tài sản ngắn hạn	5,117	4,757	7.6%
Tiền và tương đương tiền	30.2	107	-71.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.5	13.7	-23.4%
Phải thu ngắn hạn	5,022	4,630	8.5%
Hàng tồn kho	53.5	0.00	2236254%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	6.42	-94.8%
Tài sản dài hạn	29.4	30.5	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.71	8.95	-13.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.6	21.6	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-26.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,903	4,553	7.7%
Nợ ngắn hạn	4,903	4,553	7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	632	1,603	-60.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,515	2,526	39.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	235	3.4%
Vốn chủ sở hữu	243	235	3.4%
Vốn điều lệ	82.1	82.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

